

THÔNG BÁO KHOA HỌC

**THỰC TRẠNG, TIỀM NĂNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN
NUÔI TÔM TRÊN CÁT Ở KHU VỰC MIỀN TRUNG**
**CURRENT STATUS, POTENTIALS AND SOLUTIONS FOR DEVELOPING SHRIMP
FARMING ON SAND IN THE CENTRAL PROVINCES OF VIETNAM**

Nguyễn Thanh Tùng¹, Trần Văn Tam¹

Ngày nhận bài: 24/5/2018; Ngày phản biện thông qua: 18/6/2018; Ngày duyệt đăng: 29/6/2018

TÓM TẮT

Khu vực ven biển miền Trung gồm có 14 tỉnh thành, trải dài trên 1.800 km bờ biển từ Thanh Hóa đến Bình Thuận. Điều kiện tự nhiên khu vực miền Trung khắc nghiệt, thường xuyên chịu ảnh hưởng hạn hán, thiên tai; tài nguyên đất chủ yếu là đất cát ven biển, đất bạc màu chiếm tỷ lệ lớn. Tổng diện tích đất cát của các tỉnh miền Trung là khoảng 100.000 ha [1]. Các vùng đất cát ven biển hiện nay sản xuất nông nghiệp rất khó khăn, không hiệu quả, việc chuyển đổi sang nuôi tôm trên cát sẽ góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất cát vùng ven biển, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho các tỉnh khu vực miền Trung. Trong giai đoạn 2010-2016, nghề nuôi tôm trên cát ở khu vực ven biển miền Trung đã có bước phát triển thành công, với mức tăng trưởng cao cả diện tích – năng suất – sản lượng. Tuy nhiên, việc phát triển nuôi tôm trên cát cũng xuất hiện những vấn đề bất cập về môi trường, dịch bệnh v.v... Kết quả nghiên cứu đã phân tích, đánh giá được các tiềm năng, cơ hội và thách thức phát triển nuôi tôm trên cát ở các tỉnh ven biển miền Trung; từ đó tác giả đã đề xuất một số giải pháp phù hợp góp phần phát triển bền vững nghề nuôi tôm trên cát cho các tỉnh ven biển miền Trung.

Từ khóa: Nuôi tôm trên cát, phát triển bền vững nuôi tôm trên cát; nuôi tôm trên cát miền Trung.

ABSTRACT

The Central coast of Vietnam consists of 14 provinces, stretching over 1,800 km of coastline from Thanh Hoa to Binh Thuan. The climate conditions in this region are harsh, which often affected by drought and other natural disasters. The soil resources include mainly the coastal sandy soil, of which the exhausted soil accounts for a large proportion. The total sand soil area of Central provinces is about 100,000 ha [1] where agricultural activities are inefficient and facing many challenges. Hence, the production transition to shrimp farming on sand will help improve the efficiency of using sandy soil in the coastal area as well as create more jobs, raise the income for people and promote the socio-economic development for Central provinces. In the period of 2010-2016, shrimp farming on sand has been successfully developed with high growth rates of the area, productivity and production. However, the development of shrimp farming on sand has been facing problems related to the environment, diseases, etc. This study has analyzed and assessed the potentials, opportunities and challenges of shrimp farming on sand in Central coastal provinces of Vietnam as well as proposed some suitable solutions to contribute to the sustainable development of shrimp farming on sand in Central coastal provinces of Vietnam.

Keywords: Shrimp farming on sand, sustainable development of shrimp farming on sand; shrimp farming on sand in Central provinces of Vietnam.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong giai đoạn 2010-2016, nghề nuôi tôm trên cát phát triển mạnh ở nhiều địa phương, diện tích và sản lượng không ngừng gia tăng.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Thủy sản, diện tích nuôi trong giai đoạn 2010-2016 tăng trưởng trung bình khoảng 7,5%/năm (từ 2.381 ha lên đến 3.734 ha); sản lượng tôm nuôi trên cát trong giai đoạn 2010-2016 tăng trưởng trung bình 5,0%/năm (từ 30.844 tấn lên đến

¹ Viện Kinh tế và Quy hoạch Thủy sản

41.705 tấn); năng suất nuôi tôm trên cát các tỉnh miền Trung cao hơn năng suất bình quân của cả nước; năng suất trung bình khoảng 10 - 14 tấn/ha). Bước đầu nghề nuôi tôm trên cát mang lại hiệu quả kinh tế cao, đã và đang góp phần quan trọng vào đời sống kinh tế - xã hội, đem lại việc làm, thu nhập cho một bộ phận lớn người dân ven biển miền Trung.

Tuy nhiên, hiện nay việc phát triển nuôi tôm trên cát chưa theo quy hoạch, vẫn còn nhiều bất cập, cho nên đã phát sinh nhiều hệ lụy. Cụ thể, hạ tầng vùng nuôi tôm trên cát chưa đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật, hầu hết các vùng nuôi còn nhỏ lẻ, chưa có ao chứa, lắng, xử lý nước, bùn thải nên đã gây ra ô nhiễm môi trường. Người nuôi tôm còn chạy theo lợi nhuận, chưa quan tâm đến chất lượng sản phẩm và các vấn đề môi trường vùng nuôi. Hiện nay, người dân sử dụng thuốc, hóa chất tùy tiện trong sản xuất; tại nhiều vùng nuôi, chất thải chưa được xử lý đã thải trực tiếp ra môi trường, gây ô nhiễm, tăng nguy cơ lây lan dịch bệnh. Vì vậy, cần thiết phải có những phân tích đánh giá về điều kiện tự nhiên, tiềm năng, cơ hội, thách thức và hiện trạng phát triển nuôi tôm trên cát ở khu vực miền Trung trong thời gian qua để đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đảm bảo phát triển bền vững nuôi tôm trên cát ở khu vực miền Trung trong thời gian tới.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả sử dụng tổng hợp các phương pháp như sau: Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp, phương pháp chuyên gia, phương pháp quan sát và phương pháp thống kê mô tả.

2. Nguồn số liệu

Tài liệu và số liệu sử dụng trong nghiên cứu này từ nguồn: Tổng cục Thống kê, Tổng cục Thủy sản, báo cáo phát triển thủy sản các tỉnh ven biển miền Trung. Ngoài ra, tác giả còn tham khảo các tài liệu từ các báo cáo đánh giá và khảo sát trước đây, báo cáo nghiên cứu liên quan đến phát triển nuôi tôm trên cát ở các tỉnh ven biển miền Trung; tài liệu từ các trang Web, internet.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

1. Điều kiện tự nhiên và tiềm năng phát triển nuôi tôm trên cát

1.1. Điều kiện tự nhiên

Các tỉnh miền Trung bao gồm 14 tỉnh (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận), có bờ biển dài trên 1.800 km, phía Bắc giáp khu vực đồng bằng Sông Hồng và Trung du miền núi vùng Bắc Bộ; phía Nam giáp các tỉnh vùng Nam Bộ; phía Đông giáp Biển Đông; phía Tây giáp Tây Nguyên. Đây là điều kiện thuận lợi cho việc tiêu thụ và thông thương hàng hóa nói chung và sản phẩm nuôi tôm trên cát nói riêng. Bên cạnh đó, khu vực miền Trung có khí hậu hầu như nóng quanh năm, nhiệt độ trung bình hàng năm khoảng 36,2°C. Nhiệt độ trung bình khá cao, điều kiện nhiệt độ này phù hợp cho việc phát triển nuôi trồng thủy sản nói chung và nuôi tôm nước lợ nói riêng; đây là yếu tố quan trọng đối với việc sinh trưởng và phát triển của tôm.

Tuy nhiên, vùng nuôi tôm trên cát là vùng tiếp giáp với biển nên chịu ảnh hưởng và tác động nhiều của bão; là vùng có điều kiện khí hậu khắc nghiệt nhất trong cả nước (hàng năm thường xảy ra nhiều thiên tai như bão, lũ, gió Lào, hạn hán,...). Đồng thời, các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ (từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên – Huế) cũng chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc lạnh. Vì vậy, với điều kiện khí hậu này đã gây khó khăn cho hoạt động sản xuất nuôi tôm trên cát. Bên cạnh đó, vùng đất cát ven biển miền Trung nhiều nơi rừng chắn gió chắn cát còn thưa hoặc chưa có nên hiện tượng gió cát hoặc cát bay còn xảy ra gây khó khăn cho sản xuất.

1.2. Tiềm năng diện tích phát triển nuôi tôm trên cát

Kết quả khảo sát và thu thập ở một số tỉnh trọng điểm của Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản năm 2000 cho thấy: Tiềm năng đất cát các tỉnh khu vực miền Trung là rất lớn (khoảng gần 100.000 ha), trong đó tập trung với số lượng lớn ở một số tỉnh: Quảng Bình 39.000 ha, Phú Yên 14.000 ha, Quảng Trị 13.000 ha,

Quảng Ngãi 10.000 ha. Theo dự tính của các tỉnh, đất cát có thể đưa vào nuôi trồng thủy sản gần 15.000 ha, tập trung nhiều ở một số tỉnh: Quảng Bình 4.500 ha, Quảng Trị 4.000 ha, Quảng Ngãi 4.000 ha, chưa kể những gò đồi cát đang bỏ hoang [4].

2. Đánh giá hiện trạng phát triển và tác động từ nuôi tôm trên cát

2.1. Hiện trạng phát triển nuôi tôm trên cát

Phong trào nuôi tôm trên cát ở các tỉnh miền Trung được bắt đầu từ những năm 2000, từ khi Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản tiến hành nghiên cứu và quảng bá mô hình nuôi tôm trên cát tại bãi biển xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Tuy vậy, việc phát triển thời kỳ đầu chậm do gặp những vướng mắc như chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng lớn, giá thành sản xuất cao và tác động tiêu cực như phá rừng, khai thác cạn kiệt nước ngầm v.v... Hiện nay, do việc áp dụng các công nghệ mới như nuôi tôm thâm canh ít thay nước, sử dụng chế phẩm vi sinh, tái sử dụng nước, công nghệ bioflocs v.v... hiệu quả tăng cao, diện tích nuôi trên vùng cát đã phát triển mạnh ở nhiều địa phương. Đến năm 2016, cả nước có 14 tỉnh thành ven biển miền Trung đang nuôi tôm trên cát với tổng diện tích 3.733,9 ha, sản lượng đạt 41.704,5 tấn. Diện tích nuôi

tôm trên cát trong giai đoạn 2010-2016 tăng trưởng trung bình khoảng 7,5%/năm (từ 2.381 ha lên đến 3.733,9 ha). Sản lượng tôm nuôi trên cát trong giai đoạn 2010-2016 tăng trưởng trung bình 5,0%/năm (từ 30.844 tấn lên đến 41.704,5 tấn). Năng suất nuôi tôm trên cát các tỉnh miền Trung cao hơn năng suất bình quân của cả nước (Diện tích nuôi chỉ chiếm 15% nhưng sản lượng thu hoạch 49% của nuôi tôm nước lợ toàn vùng – năng suất trung bình khoảng 10-14 tấn/ha), có nơi cho năng suất rất cao như ở Quảng Nam (hơn 20 tấn/ha), Quảng Ngãi (khoảng 17 tấn/ha). Những tỉnh có diện tích nuôi tôm trên cát lớn gồm: Bình Thuận (28% tổng diện tích nuôi tôm trên cát), Ninh Thuận (18%), Phú Yên (16%), Thừa Thiên Huế (14%). Nuôi tôm trên cát đã và đang góp phần quan trọng vào đời sống kinh tế xã hội, đem lại việc làm và thu nhập cho một bộ phận lớn người dân các tỉnh ven biển miền Trung.

Hiện nay, đối tượng nuôi tôm trên cát chủ yếu là tôm thẻ chân trắng, nuôi theo hình thức thâm canh. Tại một số địa phương đã phát triển mô hình nuôi tôm thâm canh mật độ cao, ít thay nước, sử dụng công nghệ Biofloc... Những công nghệ này đã giải quyết một số vấn đề như hạn chế sử dụng nước ngầm và cho năng suất

Bảng 1. Diện tích, sản lượng nuôi tôm trên cát ở các tỉnh miền Trung năm 2016 [4]

TT	Địa phương	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)
1	Thanh Hóa	90	1.200
2	Nghệ An	148	666
3	Hà Tĩnh	203,8	2.000
4	Quảng Bình	223,4	1.615,2
5	Quảng Trị	550	3.000
6	Thừa Thiên Huế	495	3.256
7	Quảng Nam	226	8000
8	Quảng Ngãi	347,5	5.907,5
9	Bình Định	73,3	439,8
10	Phú Yên	75	2000
11	Khánh Hoà	70	2310
12	Ninh Thuận	333	2.377
13	Bình Thuận	898,9	8.933
	Tổng	3.733,9	41.704,5

cao, tuy nhiên đòi hỏi chi phí đầu tư ban đầu và công nghệ cao.

Về tình hình sản xuất và cung ứng giống tôm nước lợ cho khu vực miền Trung: Theo số liệu thống kê của Tổng cục Thủy sản, năm 2016: Các tỉnh ven biển miền Trung (tính Thanh Hoá đến Bình Thuận) có 963 cơ sở sản xuất giống tôm nước lợ, trong đó có 424 sản xuất giống tôm sú và 539 cơ sở sản xuất giống tôm thẻ chân trắng, sản xuất được 67,5 tỷ con, chiếm 64,5% sản lượng giống tôm nước lợ của cả nước (năm 2016, cả nước sản xuất được 104,4 tỷ con tôm giống) [4]. Các cơ sở sản xuất giống tôm thẻ chân trắng tại các tỉnh miền Trung là các cơ sở sản xuất có quy mô lớn, đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ. Những cơ sở sản xuất có quy mô nhỏ ngày càng bị thu hẹp và có xu hướng tập trung thành các tổ hợp có quy mô lớn hơn để nâng cao chất lượng tôm giống, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Đây là điều kiện thuận lợi để thúc đẩy phát triển nuôi tôm trên cát ở các tỉnh ven biển miền Trung trong thời gian tới.

Về tổ chức sản xuất, khu vực miền Trung hiện nay xuất hiện cả 3 loại hình gồm: Hộ nuôi cá thể, hợp tác xã và doanh nghiệp. Mô hình hộ nuôi cá thể thường có quy mô nhỏ lẻ, manh mún rất khó kiểm soát. Các khu vực nuôi tập trung, quy mô lớn thường là của các doanh nghiệp hoặc hợp tác xã kiểu mới, có đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất.

Nuôi tôm trên cát trong thời gian qua đã tận dụng tối đa diện tích đất bỏ hoang, và đang góp phần quan trọng vào đời sống kinh tế - xã hội, đem lại việc làm, thu nhập cho một bộ phận lớn người dân nghèo ven biển, góp phần xóa đói giảm nghèo, tạo công ăn việc làm cho dân cư ven biển, giảm áp lực khai thác hải sản ven bờ. Hiện nay, tại một số địa phương đã phát triển mô hình nuôi tôm thâm canh mật độ cao ít thay nước, sử dụng công nghệ Bioflocs... Những công nghệ này đã giải quyết một số vấn đề như hạn chế sử dụng nước ngầm và cho năng suất cao, tuy nhiên đòi hỏi chi phí đầu tư ban đầu rất cao. Do vậy, nếu có cơ chế quản lý và đầu tư hợp lý, có thể tiếp tục nâng cao năng suất, sản lượng và giá trị của tôm nuôi trên cát.

2.2. Những tác động từ hoạt động nuôi tôm

trên cát

Nuôi tôm trên cát là một lĩnh vực có tiềm năng khá to lớn, mang lại hiệu quả kinh tế cao nhưng cũng chứa đựng một số nguy cơ, rủi ro, thách thức lớn đối với môi trường và dịch bệnh. Nuôi tôm trên cát, đặc biệt là ở quy mô lớn, vẫn còn tiềm ẩn một số vấn đề môi trường. Các tác động chủ yếu là: ô nhiễm môi trường, phát triển dịch bệnh, cạn kiệt nguồn nước ngọt và nước ngầm; ô nhiễm biển và nước ngầm do chất thải từ nuôi tôm trên cát; mặn hoá đất và nước ngầm; thu hẹp diện tích rừng phòng hộ, làm tăng hoạt động cát bay và bão cát.

Hoạt động xả nước thải từ vùng nuôi: Hạ tầng vùng nuôi chưa bảo đảm, hầu hết những hộ nuôi nhỏ lẻ, chưa có ao chứa, ao lắng và khu xử lý nước thải. Nhiều hộ nuôi hiện nay còn xả trực tiếp nước thải, bùn ao nuôi trên khu vực đất cát cạnh bờ đầm nuôi, gây ô nhiễm và mặn hoá nguồn nước ngầm. Dịch bệnh có thể lây lan sang các đầm nuôi khác do sử dụng nước ngầm đã bị nhiễm bệnh, tạo cơ hội bùng phát dịch bệnh, ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất trước mắt và lâu dài, có thể ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng và phát triển của nguồn lợi hải sản tự nhiên.

Nuôi tôm trên cát cần rất nhiều nước (cả nước biển, nước ngọt). Trong khi đó khu vực nuôi tôm trên cát đều nằm sát biển, có nguồn nước mặn dồi dào, có thể bơm trực tiếp từ biển vào nhưng nguồn nước ngọt rất hạn chế, nhiều nơi không đủ cung cấp cho sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp. Vùng cát là nơi có đặc trưng kết cấu địa tầng yếu, việc sử dụng nước ngầm nuôi tôm trên cát quá giới hạn cho phép sẽ dẫn đến sụt lún địa tầng, nước ngầm bị cạn kiệt, gây mất cân bằng áp lực nước tạo điều kiện cho nước mặn xâm nhập từ biển vào; mặt khác, nếu nuôi tôm ở quy mô lớn, việc thất thoát, thẩm thấu nước trong quá trình bơm nước từ biển vào, thải nước ra trong quá trình nuôi sẽ làm một lượng lớn nước mặn ngấm vào lòng đất, gây mặn hoá đất và nguồn nước ngầm làm ảnh hưởng trực tiếp đến sinh hoạt và phát triển cây nông nghiệp ở khu vực lân cận.

Rừng phòng hộ ven biển bị ảnh hưởng do khai thác nguồn nước ngầm phục vụ cho nuôi tôm. Quá trình làm ao, đắp bờ, mở đường đi lại

phải đào xới cát làm cho mức độ gắn kết của cát yếu, tạo điều kiện cho hiện tượng cát bay, cát lờ. Nếu thiếu thận trọng trong quá trình chọn địa điểm xây dựng ao nuôi, việc phát triển ao nuôi không đi đôi với bảo vệ rừng phòng hộ hay trồng rừng che chắn, đặc biệt là các khu vực chịu ảnh hưởng của gió, dễ dẫn đến hiện tượng ao nuôi bị vùi lấp trong quá trình sản xuất.

Để giải quyết những bất cập nêu trên, rất cần có quy định chặt chẽ về điều kiện sản xuất, bảo vệ môi trường đối với cơ sở nuôi là rất cấp thiết. Việc áp dụng một số công nghệ mới cần được phổ biến áp dụng như: xây dựng hệ thống trữ nước ngọt kiểu hồ chứa, tận dụng nước mưa, nước chảy bề mặt và sông suối; áp dụng kỹ thuật nuôi tôm ít thay nước, nuôi khép kín nhằm để tái sử dụng nước và hạn chế khai thác nước ngầm, phát triển rừng phòng hộ... nhằm phát triển bền vững nghề nuôi tôm trên cát.

3. Cơ hội và thách thức phát triển nuôi tôm trên cát

3.1. Cơ hội

Các tỉnh ven biển miền Trung có tiềm năng lớn về diện tích đất cát để phát triển nuôi tôm nước lợ (khoảng gần 100.000 ha); có khí hậu hầu như nóng quanh năm, nhiệt độ trung bình khá cao phù hợp cho việc phát triển nuôi trồng thủy sản đặc biệt là nuôi tôm thẻ chân trắng. Bên cạnh đó vùng ven biển miền Trung có nguồn nước biển sạch, dồi dào là điều kiện tự nhiên rất quan trọng để phát triển nuôi tôm.

Nguồn cung ứng con giống khá gần hầu hết các cơ sở sản xuất tập trung tại vùng Nam trung bộ, thuận lợi cho khâu vận chuyển và kiểm soát chất lượng.

Hoạt động nuôi tôm trên cát có thể áp dụng hình thức thâm canh, siêu thâm canh với năng suất rất cao, tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn, tập trung trong thời gian ngắn. Bên cạnh việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật thì việc quản lý môi trường và giám sát dịch bệnh cũng thuận tiện hơn.

3.2. Thách thức

Khu vực ven biển miền Trung có điều kiện khí hậu khắc nghiệt nhất trong cả nước (hàng năm thường xảy ra nhiều thiên tai như bão, lũ, gió Lào, hạn hán). Đồng thời, các tỉnh Bắc Trung Bộ cũng chịu ảnh hưởng của gió mùa

Đông Bắc lạnh. Vì vậy, với điều kiện khí hậu này đã gây khó khăn cho hoạt động sản xuất nuôi tôm trên cát. Nắng, nóng thuận lợi cho tôm sinh trưởng, song nhiệt độ thường cao, độ bốc hơi lớn, độ mặn trong các ao nuôi tôm tăng cao, nếu không có giải pháp giải quyết nước ngọt thì sẽ ảnh hưởng đến năng suất và hiệu quả nuôi. Vùng nuôi tôm trên cát là vùng tiếp giáp với biển nên chịu ảnh hưởng và tác động nhiều của bão. Hơn nữa, nhiều nơi rừng chắn gió, chắn cát còn thưa hoặc chưa có nên hiện tượng gió cát hoặc cát bay còn xảy ra gây khó khăn cho nuôi tôm trên cát.

Nuôi tôm trên cát chủ yếu là nuôi thâm canh, do vậy cần vốn đầu tư lớn. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các vùng nuôi tập trung còn hạn chế dẫn đến khó đáp ứng các điều kiện sản xuất, tăng mức độ rủi ro trong sản xuất. Nuôi trồng thủy sản trên cát đòi hỏi quy trình kỹ thuật cao và công nghệ nuôi phức tạp, trong khi trình độ của người nuôi tôm ở khu vực ven biển miền Trung còn dựa nhiều vào kinh nghiệm, đây là một trong những khó khăn để thúc đẩy phát triển nghề nuôi tôm trên cát trong thời gian tới.

Biến đổi khí hậu, suy thoái và ô nhiễm môi trường, dịch bệnh nguy hiểm trên tôm ngày càng diễn biến phức tạp gây rủi ro lớn cho người sản xuất nuôi trồng thủy sản. Nguồn nước ngọt, đặc biệt nguồn nước ngầm ngọt khu vực ven biển có xu hướng suy giảm về trữ lượng, nhiều nơi đã bị nhiễm mặn, sẽ là những thách thức rất lớn trong phát triển tôm trên cát. Trong bối cảnh đó, môi trường biển cũng đang có chiều hướng xấu: Ngày càng nhiều chất thải không qua xử lý từ các lưu vực sông và vùng ven biển đổ ra biển, một số khu biển ven bờ bị ô nhiễm gây khó khăn cho phát triển tôm trên cát (sự cố môi trường tại 4 tỉnh miền Trung từ Hà Tĩnh đến Thừa Thiên Huế năm 2016).

Nguồn nước ngọt, đặc biệt nguồn nước ngầm ngọt khu vực ven biển có xu hướng suy giảm về trữ lượng, nhiều nơi đã bị nhiễm mặn, sẽ là những thách thức rất lớn trong phát triển tôm trên cát. Môi trường vùng nuôi có nhiều chiều hướng xấu. Đặc biệt, mâu thuẫn trong sử dụng tài nguyên phát triển các ngành kinh tế như nông nghiệp với du lịch, công nghiệp

và thủy sản cũng như thách thức về cạnh tranh thương mại cũng là những yếu tố gây cản trở cho sự phát triển của nghề nuôi tôm trên cát.

4. Quan điểm, mục tiêu và giải pháp phát triển nuôi tôm trên cát

4.1. Quan điểm và mục tiêu phát triển nuôi tôm trên cát

Quan điểm của ngành: Trong thời gian tới phát triển nuôi tôm trên cát là tận dụng diện tích đất cát bỏ hoang, hoặc các vùng đất cát sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả để phát triển nuôi tôm theo hướng hiệu quả và bền vững; gắn phát triển nuôi tôm trên cát với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, cảnh quan tự nhiên vùng ven biển, đảm bảo hài hoà với hoạt động của các ngành kinh tế khác. Phát triển nuôi tôm trên cát gắn với chương trình tái cơ cấu ngành thủy sản và thực hiện kế hoạch hành động quốc gia phát triển ngành tôm Việt Nam. Phát triển nuôi tôm trên cát phải có bước đi phù hợp với điều kiện thực tế; ưu tiên phát triển nuôi tôm trên cát theo hướng công nghiệp, đồng bộ, tập trung quy mô lớn để tạo sản phẩm hàng hóa, đảm bảo chất lượng sản phẩm cho nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Cần áp dụng quy trình công nghệ mới, công nghệ cao, tiên tiến để tiết kiệm nguồn nước ngọt [4].

Mục tiêu phát triển bền vững nghề nuôi tôm trên cát nhằm khai thác tiềm năng, tận dụng vùng đất cát tại khu vực ven biển miền Trung để tạo ra sản phẩm tôm nước lợ có giá trị cao, khối lượng sản phẩm lớn, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm góp phần phát triển kinh tế xã hội, tạo công ăn việc làm, thu nhập cho người dân ven biển. Phấn đấu đến năm 2020, diện tích nuôi tôm trên cát đạt 4.500 ha, trong đó hơn 50% diện tích nuôi tôm tập trung được đầu tư hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thủy lợi; sản lượng đạt trên 60.000 tấn; năng suất trung bình đạt trên 12 tấn/ha mặt nước/vụ; đến năm 2025, diện tích nuôi tôm trên cát đạt 7.000 ha, trong đó hơn 70% vùng nuôi tập trung được đầu tư hạ tầng hoàn thiện; sản lượng nuôi đạt trên 110.000 tấn; năng suất trung bình đạt trên 15 tấn/ha mặt nước/vụ [4].

4.2. Giải pháp phát triển nuôi tôm trên cát

Để đạt được mục tiêu đề ra và đảm bảo cho

nghề nuôi tôm trên cát phát triển bền vững thì cần tiến hành đồng bộ một số nhóm giải pháp sau:

Giải pháp về quy hoạch và đầu tư: Rà soát các vùng nuôi tôm trên cát hiện tại, xây dựng quy hoạch phát triển tổng thể cho vùng nuôi tôm trên cát tại các tỉnh miền Trung trong khuôn khổ Kế hoạch hành động Quốc gia phát triển ngành tôm Việt Nam; ưu tiên mở rộng diện tích nuôi tôm trên cát khu ở những vùng đang nuôi tôm có hiệu quả cao và những khu vực hoạt động các ngành kinh tế khác kém hiệu quả. Quy hoạch, thiết kế và đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ có trọng tâm, trọng điểm; nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng chính ở những vùng sản xuất tập trung có quy mô lớn, đặc biệt là hệ thống cấp thoát nước đầu mối, hệ thống chứa nước ngọt phục vụ sản xuất ở các vùng nuôi tôm trên cát tập trung. Đồng thời xây dựng cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư từ doanh nghiệp và các thành phần kinh tế.

Giải pháp về quản lý, tổ chức sản xuất và phát triển thị trường: Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật phục vụ quản lý, tập trung xây dựng văn bản quy định và triển khai kiểm soát chặt chẽ điều kiện sản xuất của cơ sở nuôi; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với nuôi tôm trên cát. Giám sát chặt chẽ điều kiện của cơ sở nuôi như: Thực hiện đúng quy hoạch; sử dụng nguồn nước cấp hiệu quả, quản lý chặt nguồn nước thải và chất thải của các vùng nuôi tôm trên cát tập trung. Kiểm soát chặt chẽ con giống, thức ăn, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường, phòng, chống dịch bệnh. Tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Về thị trường: Tổ chức nuôi tôm trên cát gắn với nhu cầu, tiêu chuẩn của thị trường, xây dựng thương hiệu và phát triển xúc tiến thương mại.

Giải pháp về khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế: Áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng, nguồn nước vào nuôi tôm trên cát để tạo sản phẩm lớn, hàng hoá và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái và đáp ứng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Nghiên cứu vật liệu mới áp dụng vào sản xuất để giảm giá đầu tư, hạn chế đến mức

thấp nhất tác động tiêu cực đến môi trường. Tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế với các nước có trình độ cao về thủy sản để tiếp cận công nghệ cao trong nuôi tôm; tập trung vào hợp tác về đào tạo nguồn nhân lực và chuyển giao công nghệ sản xuất giống tôm sạch bệnh; công nghệ nuôi tiết kiệm nước; công nghệ sản xuất thức ăn, chế phẩm sinh học, thuốc thú y và các sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường sử dụng trong nuôi tôm trên cát.

Giải pháp về quản lý môi trường và dịch bệnh: Tiếp tục ưu tiên đầu tư cho công tác quan trắc, cảnh báo môi trường và dịch bệnh cho các vùng nuôi tôm trên cát tập trung, thông báo kịp thời cho các cơ sở nuôi tôm về môi trường và tình hình dịch bệnh, hướng dẫn các giải pháp kỹ thuật phù hợp. Tập trung thực hiện các giải pháp kỹ thuật tổng hợp về phòng chống và quản lý dịch bệnh. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra và xử phạt nghiêm các hành vi vi phạm về môi trường; đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân và các tổ chức tham gia nuôi tôm trên cát về công tác bảo vệ môi trường và giữ gìn cảnh quan xung quanh vùng nuôi tôm trên cát.

Giải pháp về khuyến ngư và đào tạo: Tổng kết các mô hình sản xuất hiệu quả để phổ biến nhân rộng, tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật, bồi dưỡng kiến thức về quy trình nuôi tôm trên cát và kỹ thuật nuôi ứng dụng công nghệ cao; hỗ trợ việc xây dựng các mô hình nuôi tôm trên cát theo hướng đảm bảo an toàn dịch bệnh. Tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn, tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm liên quan đến hoạt động nuôi tôm trên cát. Ưu tiên đào tạo nghề lao động nông thôn về lĩnh vực nuôi tôm trên cát theo chương trình đào tạo nghề nông thôn. Bên cạnh cần chú trọng đào tạo cho lực lượng lao động có trình độ kỹ thuật cao, có khả năng tiếp nhận, vận hành các công nghệ tiên tiến trong nuôi tôm trên cát.

Giải pháp về ứng phó với biến đổi khí hậu:

Xây dựng các tài liệu hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân và người nuôi tôm trên cát vùng ven biển miền Trung chủ động phòng ngừa và khắc phục những rủi ro do tác động của biến đổi khí hậu. Nghiên cứu cải tiến những công

nghệ nuôi, đối tượng nuôi mới, chọn tạo được giống nuôi mới có khả năng thích ứng với điều kiện thời tiết khắc nghiệt, khả năng kháng bệnh cao, phù hợp với điều kiện vùng nuôi trên cát.

Giải pháp về cơ chế chính sách: Tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách đã ban hành về đầu tư, tín dụng, hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất giống, sản xuất thức ăn, chế biến thủy sản và các cơ sở nuôi tôm trên cát khu vực miền Trung; hỗ trợ để khôi phục sản xuất khi bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trong sản xuất; xây dựng thương hiệu và xúc tiến thương mại các sản phẩm từ các vùng nuôi tôm trên cát. Thực hiện các chính sách đã ban hành như: Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Quyết định số 332/QĐ-TTg ngày 03/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển Nuôi trồng thủy sản đến năm 2020; Quyết định 2194/QĐ-TTg, ngày 25/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án phát triển giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản đến năm 2020; Quyết định số 1445/QĐ-TTg ngày 16/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản đến năm 2020, tầm nhìn 2030, và Quyết định 946/QĐ-BNN-TCTS ngày 24/3/2016 về phê duyệt Quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản các tỉnh miền Trung đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Nghiên cứu xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách bảo hiểm cho phát triển nuôi tôm trên cát trong điều kiện biến đổi khí hậu; chính sách ưu đãi về đào tạo và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao vào lĩnh vực thủy sản cho các tỉnh khu vực miền Trung; chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vào đầu tư nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ và đầu tư cơ sở hạ tầng các vùng nuôi tôm trên cát.

IV. KẾT LUẬN

Các tỉnh ven biển miền Trung (từ Thanh Hóa đến Bình Thuận) có lợi thế và tiềm năng

khá to lớn phát triển nuôi tôm trên cát. Nhiều yếu tố thuận lợi cho phát triển nuôi tôm trên cát như: có diện tích đất cát khoảng 100.000 ha, có khí hậu hầu như nóng quanh năm, nhiệt độ trung bình khá cao phù hợp cho việc phát triển nuôi tôm, có nguồn nước biển sạch, dồi dào là điều kiện tự nhiên rất quan trọng để phát triển nuôi tôm; thị trường thuận lợi, ngoài phục vụ xuất khẩu, các tỉnh miền Trung có thị trường tôm tươi sống lớn vì đây là vùng công nghiệp, du lịch phát triển, gần thị trường Trung Quốc với nhu cầu lớn.

Vùng nuôi tôm trên cát tuy là vùng cao triều và trên triều có tính ổn định cao, có thể áp dụng hình thức thâm canh, siêu thâm canh với năng suất rất cao (năng suất bình quân của mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng trên cát đạt từ 10-15 tấn/ha; có những nơi đạt 20-30 tấn/ha), tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Nguồn cung ứng con giống khá gần hầu hết các cơ sở sản xuất tập trung tại vùng Nam Trung Bộ, thuận lợi cho khâu vận chuyển và kiểm soát chất lượng giống.

Nghề nuôi tôm trên cát ở các tỉnh ven biển miền Trung trong thời gian qua đã đóng góp tích cực vào việc tăng sản lượng tôm xuất khẩu của Việt Nam, giúp tận dụng tối đa diện tích đất cát bỏ hoang, góp phần xóa đói, giảm nghèo, tạo việc làm nâng cao thu nhập cho ngư dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội

cho các tỉnh ven biển miền Trung. Tuy nhiên nghề nuôi tôm trên cát cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ và thách thức về môi trường. Do nuôi tôm trên cát tại các tỉnh ven biển miền Trung phát triển quá "nóng", nuôi không theo quy hoạch, nên hiện nay nhiều vùng nuôi tôm ở khu vực đang phải đối mặt với ô nhiễm môi trường, suy giảm nguồn nước ngầm và xâm hại đến đất rừng phòng hộ ven biển ảnh hưởng trực tiếp đến dân sinh vùng ven biển; phát vỡ cảnh quan và hệ sinh thái vùng ven biển.

Để đảm bảo phát triển bền vững nghề nuôi tôm trên cát ở các tỉnh miền Trung thì cần tiến hành đồng bộ một số nhóm giải pháp: Quy hoạch lại vùng nuôi tôm trên cát và đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng, hoàn thiện hệ thống chính sách, quản lý chặt chẽ điều kiện cơ sở nuôi và kiểm soát tốt các yếu tố đầu vào, ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, tiết kiệm năng lượng, mô hình ít thay nước vào nuôi tôm; quản lý môi trường và kiểm soát dịch bệnh; xây dựng các mô hình tổ chức sản xuất hiệu quả; đào tạo nghề có trình độ kỹ thuật cao; chủ động về thị trường tiêu thụ, xây dựng thương hiệu cho con tôm Việt Nam. Khi đầu tư phát triển mở rộng diện tích nuôi tôm trên cát cần phải có những đánh giá, nghiên cứu, tính toán một cách khoa học; các dự án đầu tư nuôi tôm trên cát phải tuân thủ các quy định của Nhà nước về đánh giá tác động môi trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2016. Quyết định 946/QĐ-BNN-TCTS ngày 24 tháng 3 năm 2016 về phê duyệt Quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản các tỉnh miền Trung đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2013. Quyết định số 1445/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản đến năm 2020, tầm nhìn 2030.
3. Tổ chức bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế và Viện Quốc tế và Phát triển Bền vững, năm 2003. Báo cáo "Mở rộng nuôi tôm trên cát ở Việt Nam Thách – Cơ hội và Thách thức", Nhà xuất bản HAKI, Hà Nội.
4. Tổng cục Thủy sản, 2017. Báo cáo hiện trạng sản xuất và một số giải pháp phát triển bền vững nghề nuôi tôm trên cát tại các tỉnh duyên hải miền Trung. Báo cáo phục vụ Hội nghị tại Hà Tĩnh ngày 16/5/2017.